



Số: **007506** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 06253.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH HẠNH NHÂN - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SĐN-9  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 15/04/2020  
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long  
Người nhận mẫu : Trần Thị Thủy

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                       | Phương pháp                                                | Kết quả     | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | HD.PP.01.01/TT.VS (AOAC 966.23) (b) (d)                    | < 1 CFU /mL | 16/04/2020       |
| 2   | Coliforms                      | HD.PP.02.07/TT.VS (TCVN 6848:2007) (ISO 4832:2006) (b) (d) | < 1 CFU /mL | 16/04/2020       |
| 3   | <i>Escherichia coli</i>        | HD.PP.02.04/TT.VS (AOAC 991.14, TCVN 9975:2013) (b) (d)    | < 1 CFU /mL | 16/04/2020       |
| 4   | <i>Clostridium perfringens</i> | HD.PP.05.01/TT.VS (AOAC 976.30) (b) (d)                    | < 1 CFU /mL | 16/04/2020       |
| 5   | <i>Staphylococcus aureus</i>   | HD.PP.03.02/TT.VS (AOAC 975.55) (b) (d)                    | < 1 CFU /mL | 16/04/2020       |
| 6   | Định lượng nấm men và nấm mốc  | TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) (b)                    | < 1 CFU /mL | 16/04/2020       |

Mã số mẫu: 06253.20

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 1 CFU /mL: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .....

24-04-2020

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Th.s Phan Bích Hà



Số: 31217/PKN-VKNQG

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa đậu nành hạnh nhân - Vinamilk (T-SĐN-02)
2. Mã số mẫu: 11197313/DV
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 14
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01
6. Ngày nhận mẫu: 15/11/2019
7. Thời gian thử nghiệm: 15/11/2019 - 25/11/2019
8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk  
Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Vi sinh vật

| STT  | Tên chỉ tiêu                  | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả                |
|------|-------------------------------|--------|-----------------|------------------------|
| 9.1* | <i>Streptococci faecal</i>    | CFU/mL | NIFC.06.M.16    | KPH<br>(LOD: 1 CFU/mL) |
| 9.2* | <i>Pseudomonas aeruginosa</i> | CFU/mL | NIFC.06.M.20    | KPH<br>(LOD: 1 CFU/mL) |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019

TUQ.VIÊN TRƯỞNG



**TRƯỞNG PHÒNG  
KẾ HOẠCH - HTQT**  
 Nguyễn Văn Nhiên





Số: 31220/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên mẫu: Sữa đậu nành hạnh nhân - Vinamilk (T-SĐN-02)  
2. Mã số mẫu: 11197313/DV  
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 14  
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu  
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01  
6. Ngày nhận mẫu: 15/11/2019  
7. Thời gian thử nghiệm: 15/11/2019 - 25/11/2019  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk  
Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh  
9. Kết quả thử nghiệm: Kim loại nặng

| STT  | Tên chỉ tiêu  | Đơn vị | Phương pháp thử       | Kết quả                  |
|------|---------------|--------|-----------------------|--------------------------|
| 9.1* | Hàm lượng Chì | mg/L   | NIFC.03.M.45 (ICP-MS) | KPH<br>(LOD: 0,004 mg/L) |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG  
KẾ HOẠCH - HTQT  
Nguyễn Văn Nhiên



Số: **007507** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 06254.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH HẠNH NHÂN - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SĐN-9  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 15/04/2020  
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long  
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu    | Phương pháp                  | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Cadimi (Cd) | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 15/04/2020       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **24-04-2020**

**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**T.S. Nguyễn Đức Thịnh**





Số: 31221/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên mẫu: Sữa đậu nành hạnh nhân - Vinamilk (T-SĐN-02)  
2. Mã số mẫu: 11197313/DV  
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 14  
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu  
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01  
6. Ngày nhận mẫu: 15/11/2019  
7. Thời gian thử nghiệm: 15/11/2019 - 25/11/2019  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk  
Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh  
9. Kết quả thử nghiệm: Độc tố vi nấm

| STT  | Tên chỉ tiêu                                 | Đơn vị | Phương pháp thử             | Kết quả                 |
|------|----------------------------------------------|--------|-----------------------------|-------------------------|
| 9.1* | Hàm lượng Aflatoxin B1                       | µg/kg  | NIFC.04.M.038<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,5 µg/kg) |
| 9.2* | Hàm lượng Aflatoxin tổng<br>(B1, B2, G1, G2) | µg/kg  | NIFC.04.M.038<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,5 µg/kg) |
| 9.3* | Hàm lượng Ochratoxin A                       | µg/kg  | NIFC.04.M.038<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,5 µg/kg) |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



**TRƯỞNG PHÒNG**  
**KẾ HOẠCH - HTQT**  
**Nguyễn Văn Nhiên**



Số: **007512** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 06260.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH HẠNH NHÂN - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SĐN-9  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 15/04/2020  
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiêu Long  
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu      | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|---------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 1   | Chlordane     | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,001 mg/kg | 17/04/2020       |
| 2   | Heptachlor    | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/04/2020       |
| 3   | Cyproconazole | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 4   | Chlorpyrifos  | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 17/04/2020       |
| 5   | Clethodim     | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 6   | Flusilazole   | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 7   | Methomyl      | HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **24-04-2020**

**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**Ths Phan Bích Hà**





Số: **007513** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 06258.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH HẠNH NHÂN - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SĐN-9  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 15/04/2020  
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long  
Người nhận mẫu : Trần Thị Thủy

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu        | Phương pháp                                    | Kết quả                                | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-----------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------|
| 1   | Methidathion    | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 2   | Chlordane       | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,001 mg/kg  | 17/04/2020       |
| 3   | Diazinon        | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 17/04/2020       |
| 4   | Permethrin      | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/kg   | 17/04/2020       |
| 5   | Azinphos-methyl | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 17/04/2020       |
| 6   | Buprofezin      | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 7   | Dithianon       | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 8   | Iprodione       | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 9   | Phosalone       | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 19/04/2020       |
| 10  | Abamectin       | Ref. CLG-MRM1.05                               | Không phát hiện<br>MLOD = 0,004 mg/kg  | 20/04/2020       |
| 11  | Chlorpyrifos    | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 17/04/2020       |
| 12  | Cyprodinil      | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0002 mg/kg | 19/04/2020       |



Mã số mẫu: 06258.20

| Stt | Chỉ tiêu         | Phương pháp                | Kết quả                               | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 13  | Fenbutatin oxide | Ref. AOAC 2007.01          | Không phát hiện<br>MLOD = 0,025 mg/kg | 19/04/2020       |
| 14  | Pyrimethanil     | Ref. AOAC 2007.01          | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 15  | Tebufozide       | Ref. AOAC 2007.01          | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 16  | Fenhexamid       | Ref. AOAC 2007.01          | Không phát hiện<br>MLOD = 0,002 mg/kg | 19/04/2020       |
| 17  | Propargite       | Ref. AOAC 2007.01          | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 18  | Dithiocarbamate  | Ref. CRL, Version 2 (2009) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 17/04/2020       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **24-04-2020**

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**



Số: **007510** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 06257.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH HẠNH NHÂN - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SĐN-9  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 15/04/2020  
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long  
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu            | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|---------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 1   | Fenitrothion        | AOAC 2007.01                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 17/04/2020       |
| 2   | Cyfluthrin          | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 17/04/2020       |
| 3   | Diazinon            | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 17/04/2020       |
| 4   | Fenpropathrin       | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/04/2020       |
| 5   | Permethrin          | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/kg  | 17/04/2020       |
| 6   | Phorate             | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/04/2020       |
| 7   | Azinphos-methyl     | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 17/04/2020       |
| 8   | Azoxystrobin        | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 9   | Benzovindiflupyr    | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 10  | Beta-cyfluthrin     | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg | 17/04/2020       |
| 11  | Chlorantraniliprole | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 12  | Cycloxydime         | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |



| Stt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                                | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------|
| 13  | Cyproconazole           | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 14  | Dicamba                 | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,1 mg/kg    | 19/04/2020       |
| 15  | Flutriafol              | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 16  | Fluxapyroxad            | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 17  | Glyphosate              | Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,025 mg/kg  | 18/04/2020       |
| 18  | Haloxypop               | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/kg   | 19/04/2020       |
| 19  | Imazamox                | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 20  | Mesotrione              | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 21  | Metalaxyl               | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 19/04/2020       |
| 22  | Penthiopyrad            | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 23  | Prothioconazole         | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,002 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 24  | Quintozen               | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg  | 17/04/2020       |
| 25  | Spirotetramate          | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0025 mg/kg | 19/04/2020       |
| 26  | Sulfoxaflor             | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 19/04/2020       |
| 27  | Acephate                | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 28  | 2,4-D (Dichlorophenoxy) | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 29  | Bentazone               | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 30  | Chlorpyrifos            | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 17/04/2020       |
| 31  | Carbendazim             | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 32  | Clethodim               | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 19/04/2020       |
| 33  | Difenoconazole          | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0025 mg/kg | 19/04/2020       |
| 34  | Dimethenamid-p          | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |
| 35  | Diquat                  | Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg  | 20/04/2020       |
| 36  | Glufosinat-ammonium     | Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)               | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 18/04/2020       |
| 37  | Indoxacarb              | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/kg   | 19/04/2020       |
| 38  | Methamidophos           | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 19/04/2020       |



| Stt | Chỉ tiêu       | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|----------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 39  | Propiconazole  | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 40  | Pyraclostrobin | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 41  | Spinosad       | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 42  | Tebuconazole   | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 43  | Flusilazole    | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 44  | Endosulfan     | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg | 17/04/2020       |
| 45  | Aldicarb       | HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 46  | Carbaryl       | HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |
| 47  | Methomyl       | HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 19/04/2020       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **24-04-2020**

**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**Th.s Phan Bích Hà**